Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-01 15:00:12 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định tổ chức bộ máy của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về tổ chức bộ máy của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi quản lý, chế độ kiểm tra, báo cáo; tiêu chuẩn, đối tượng, thẩm quyền và trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân.

4. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ CẤM ĐI KHỎI NƠI CƯ TRÚ

Điều 3. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Quốc phòng

1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Quốc phòng là Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Quốc phòng, sau đây gọi chung là Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng.

3. Tổ chức bộ máy của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, gồm:

a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng;

b) Cơ quan tham mưu, giúp việc là Phòng Quản lý giam giữ và Thi hành án hình sự thuộc Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

c) Cán bộ Tổng hợp; Cán bộ Tạm giữ, tạm giam và hỗ trợ tư pháp; Cán bộ Thi hành án hình sự; Cán bộ Giáo dục, hướng dẫn lao động và dạy nghề.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật số 127/2025/QH15 và khoản 1 Điều 10 Luật số 128/2025/QH15.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra nghiệp vụ đối với lực lượng được giao nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú cấp quân khu

1. Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú cấp quân khu, sau đây gọi là Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, gồm:

a) Cơ quan thi hành án hình sự quân khu là Phòng Điều tra hình sự quân khu;

b) Cơ quan thi hành án hình sự Quân đoàn 34 là Phòng Điều tra hình sự Quân đoàn 34;

c) Cơ quan thi hành án hình sự Thủ đô Hà Nội là Phòng Quản lý giam giữ và Thi hành án hình sự thuộc Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

d) Tổ chức bộ máy của Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Cán bộ thi hành án hình sự, quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Luật số 127/2025/QH15 và khoản 2 Điều 10 Luật số 128/2025/QH15.

2. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ đối với lực lượng được giao nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp thuộc quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng

1. Tổ chức bộ máy quản lý của Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng gồm: Giám thị, Chính trị viên, Phó Giám thị, Đội trưởng Đội Quản giáo, Phó Đội trưởng Đội Quản giáo, Đội trưởng Đội Hỗ trợ tư pháp, Phó Đội trưởng Đội Hỗ trợ tư pháp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ và công nhân viên Quốc phòng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 13 Luật số 127/2025/QH15.

Điều 8. Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ đội Biên phòng là Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Cảnh sát biển Việt Nam là Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển.

2. Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật số 128/2025/QH15; Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Vùng Cảnh sát biển thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật số 128/2025/QH15.

Điều 9. Phạm vi quản lý của Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú cấp quân khu, Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng

1. Cơ quan thi hành án hình sự quân khu tổ chức thực hiện công tác thi hành án hình sự, quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp thuộc nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án hình sự Quân đoàn 34), gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý hồ sơ và tổ chức thi hành đối với những trường hợp do Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú khác chuyển đến theo quy định;

b) Phối hợp với Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thi hành quyết định của Tòa án đối với pháp nhân thương mại và các trường hợp phải thi hành án khi người bị kết án làm việc tại các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn quân khu.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Quân đoàn 34 tổ chức thực hiện công tác thi hành án hình sự, quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý, gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý hồ sơ và tổ chức thi hành đối với những trường hợp do Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú khác chuyển đến theo quy định;

b) Thi hành quyết định của Tòa án đối với pháp nhân thương mại và các trường hợp phải thi hành án khi người bị kết án đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc quân đoàn đóng quân trên địa bàn các quân khu thì căn cứ vào nơi đóng quân để đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Cơ quan thi hành án hình sự Thủ đô Hà Nội tổ chức thực hiện công tác thi hành án hình sự, theo dõi việc cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý.

4. Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện công tác thi hành án phạt tù theo quy định của pháp luật và quyết định của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú chỉ đạo các trại tạm giam, nhà tạm giữ, buồng tạm giữ thuộc quyền tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam do các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhân dân thụ lý giải quyết không phụ thuộc vào địa bàn, đơn vị quản lý để phục vụ kịp thời các hoạt động tố tụng hình sự.

2. Trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự ngoài Quân đội nhân dân đề nghị giam giữ người bị tạm giữ, người bị tạm giam thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu căn cứ vào khả năng giam giữ hoặc quy chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với các bộ, ngành khác có liên quan đến công tác tạm giữ, tạm giam để xem xét, quyết định việc tiếp nhận. Sau khi tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam, trại tạm giam phải báo cáo theo quy định;

b) Trường hợp chưa có quy chế phối hợp, Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải báo cáo và được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng mới được tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam vào cơ sở giam giữ thuộc quyền;

c) Trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng chỉ được tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam khi được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng;

d) Trại tạm giam cấp quân khu chỉ được tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam khi được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Điều 11. Chế độ kiểm tra, báo cáo

1. Chế độ kiểm tra

a) Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng định kỳ 06 tháng, 01 năm tổ chức kiểm tra công tác thi hành án hình sự, quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú tại các Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trại tạm giam, nhà tạm giữ, buồng tạm giữ trong Quân đội nhân dân;

b) Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển định kỳ hằng tháng, quý kiểm tra các cơ sở giam giữ thuộc quyền;

c) Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm trong công tác thi hành án hình sự, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và quản lý người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; khi có sự cố nghiêm trọng tại cơ sở giam giữ và các vấn đề khác có liên quan cần nắm, giải quyết kịp thời.

2. Chế độ báo cáo

a) Báo cáo thường xuyên: Báo cáo tháng, quý, 06 tháng, 01 năm;

b) Báo cáo đột xuất: Theo yêu cầu của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng hoặc khi có việc đột xuất xảy ra;

c) Cơ quan thi hành án hình sự quân khu, Quân đoàn 34; các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo công tác thi hành án hình sự, công tác quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam thuộc phạm vi quản lý về Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng;

d) Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam báo cáo công tác quản lý người bị tạm giữ về Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng;

đ) Các phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng được phân công giải quyết vụ án, vụ việc, Cơ quan Điều tra hình sự quân khu và tương đương báo cáo việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú về Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng;

e) Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm hướng dẫn về mẫu biểu, nội dung báo cáo, thời gian báo cáo, thời điểm lấy số liệu báo cáo để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện.

Điều 12. Sử dụng con dấu

1. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng sử dụng con dấu với tên gọi: "BỘ QUỐC PHÒNG - CƠ QUAN QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ".

2. Cơ quan thi hành án hình sự quân khu, Quân đoàn 34 sử dụng con dấu với tên gọi: "QUÂN KHU (QUÂN ĐOÀN 34) - CƠ QUAN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ"; Cơ quan thi hành án hình sự Thủ đô Hà Nội sử dụng con dấu với tên gọi: "CỤC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ BQP - CƠ QUAN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ THỦ ĐÔ HÀ NỘI".

3. Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng con dấu với tên gọi "CỤC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ - TRẠI GIAM QUÂN SỰ KHU VỰC MIỀN…".

4. Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ đội Biên phòng sử dụng con dấu với tên gọi "BỘ CHQST… - BAN CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG"; Cơ quan quản lý tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú Cảnh sát biển Việt Nam sử dụng con dấu với tên gọi "CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM - BTL VÙNG CẢNH SÁT BIỂN…". Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển ký các quyết định, đề nghị liên quan đến việc tạm giữ, theo dõi việc cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc phạm vi quản lý.

5. Việc quản lý, sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁN BỘ QUẢN LÝ, THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ; THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ BỘ QUỐC PHÒNG, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ CẤP QUÂN KHU VÀ GIÁM THỊ, PHÓ GIÁM THỊ TRẠI GIAM THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Điều 13. Tiêu chuẩn của cán bộ quản lý, thi hành án hình sự

Thực hiện theo Quy định số 600-QĐ/QUTW ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Quân ủy Trung ương về Khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam và quy định tại Thông tư số 15/2020/TT-BQP ngày 08 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Ngành Điều tra hình sự Quân đội.

Điều 14. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu và Giám thị, Phó Giám thị Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng

1. Đối tượng bổ nhiệm

a) Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng được xem xét bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng;

b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng điều tra hình sự cấp quân khu được xem xét bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

c) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý giam giữ và Thi hành án hình sự thuộc Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng được xem xét bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Thủ đô Hà Nội.

2. Các trường hợp miễm nhiệm, cách chức

a) Đương nhiên miễn nhiệm khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác;

b) Miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ;

c) Bị cách chức khi bị kết tội bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc bị kỷ luật bằng một trong các hình thức giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan, tước danh hiệu quân nhân.

3. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

b) Bộ Tổng Tham mưu xem xét, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám thị, Phó Giám thị Trại giam thuộc Bộ Quốc phòng. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thực hiện theo Quy định số 500-QĐ/QUTW ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Quân ủy Trung ương.

Điều 15. Trình tự, thủ tục hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự thực hiện đồng thời với trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra hình sự cùng cấp.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng thi tuyển điều tra viên Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập, tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định thủ tục hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu theo đề nghị của Thủ trưởng cấp quân khu và Thủ trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng.

3. Hội đồng thi tuyển điều tra viên Bộ Quốc phòng xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, đồng thời với việc xét, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra hình sự các cấp.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Thủ đô Hà Nội thực hiện đồng thời với việc đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý giam giữ và Thi hành án hình sự thuộc Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Thông tư số 183/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tổ chức bộ máy của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội.

2. Khi các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này bị thay thế hoặc được sửa đổi, bổ sung thì những nội dung liên quan quy định trong Thông tư này sẽ được thay đổi, áp dụng theo các văn bản được thay thế, sửa đổi, bổ sung.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Thông tư theo đúng quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu